TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TAI HÀ NÔI

C□NG HOÀ X□ H□I CH□ NGH□A VI□T NAM
Đôc lâp - Tư do - Hanh phúc

Bản án số: 296/2017/DS-PT
Ngày: 12/10/2017
Về việc: "Yêu cầu tuyên bố di chúc không hợp pháp, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia thừa kế theo pháp luật".

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán:

1. Ông Ngô Anh Dũng;

2. Ông Bùi Thế Linh.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Cao Thắng, Thư ký Toà án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc, kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2017/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2016 về việc: *" Yêu cầu tuyên bố di chúc không hợp pháp, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia thừa kế theo pháp luật"* do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2016/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2016 của Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3149/2017/QĐ-PT ngày 25/9/2017, giữa:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1952. Địa chỉ: Tổ 8, Thôn BC, thị trấn TT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Khánh H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn KNX, xã VT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1958. Địa chỉ: Thôn BC, thị trấn TT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Nhất L, sinh năm 1990; địa chỉ: 14 NT, phường LB, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Tạ Ngọc T - Luật sư Văn phòng luật sư số 1 tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đỗ Thị G (H), sinh năm 1948. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Đỗ Văn Th, sinh năm 1961. Có mặt tại phiên tòa.

3. Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1965. Có mặt tại phiên tòa.

4. Anh Đỗ Đình Đ, sinh năm 1968. Có mặt tại phiên tòa.

5. Chị Đỗ Thị Kh, sinh năm 1973. Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1976. Vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng cư trú: Thôn BC, thị trấn TT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện theo ủy quyền của anh Đ, chị Kh: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn BC, thị trấn TT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo ủy quyền của anh Th, chị L: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn BC, thị trấn TT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt tại phiên tòa.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Kh, Giám đốc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Tuệ M, phó giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

8. Người kháng cáo: Bà Đỗ Thị L, các anh Đỗ Văn Th, Đỗ Đình Đ, Đỗ Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2015 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Đỗ Thị L và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Khánh H trình bày:

Bố mẹ bà Llà cụ Đỗ Văn Đ (sinh năm 1910, chết 1979) và cụ Lê Thị Qu (sinh 1910, chết 2011) sinh được 05 người con gồm các ông, bà: Đỗ Văn Mai (chết năm 2004), Đỗ Văn A (chết năm 1969), Đỗ Thị G (tên gọi khác H), Đỗ Thị L, Đỗ Thị B. Ông A là liệt sĩ và có vợ là bà Vũ Thị L, không có con cái. Ông Đỗ Văn M có 05 người con là các anh, chị: Đỗ Văn Th, Đỗ Đình Đ, Đỗ Văn H, Đỗ Thị L, Đỗ Thị Kh. Cả hai cụ khi chết đều không để lại di chúc. Di sản của hai cụ để lại là thửa đất số 178, tờ bản đồ 10, diện tích 207m^2 nay là thửa đất số 384, Tờ bản đồ số 39, diện tích 197,2m^2 (theo bản đồ địa chính hệ tọa độ VN 2000 xác lập năm 2011) tại Thôn BC, thị trấn TT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc. Trên đất có 01 ngôi nhà tình nghĩa cấp IV được Ủy ban nhân dân xã TT xây dựng năm 1997 tặng cho mẹ liệt sĩ là cụ Qu.

Em gái bà L là bà Đỗ Thị B không lập gia đình riêng mà ở cùng với mẹ (cụ Qu) nên từ lúc cụ Qucòn sống đến khi qua đời, các thành viên trong gia đình đều nhất trí để bà Bở trên mảnh đất này. Tuy nhiên đến khoảng cuối tháng 9, đầu tháng 10 năm 2015 bà B lấy cớ nhà tình nghĩa xuống cấp và muốn tiến hành việc sửa chữa. Do bà B đập bỏ toàn bộ ngôi nhà để xây dựng nhà mới nên các thành viên trong gia đình vô cùng bức xúc. Bà B đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 570348, số vào sổ cấp giấy CH 01402 ngày 31/12/2014 đối với thửa đất số 384, Tờ bản đồ số 39, diện tích 197,2m^2 theo nội dung tại bản di chúc được bà B cho là của mẹ bà là cụ Qu lập ngày 28/4/2011. Bà L cho rằng bản di chúc của cụ Qu là giả mạo vì các thành viên trong gia đình không biết. Di chúc lập khi cụ Qu đã 101 tuổi, ốm rất nặng, không còn minh mẫn, tỉnh táo; người viết bản di chúc để cụ điểm chỉ chưa rõ là ai; cả 03 người làm chứng là bà Nguyễn Thị Th, ông Đỗ Văn T, ông Lê Văn D đều ký xác nhận riêng rẽ, không cùng chứng kiến, ký tên theo quy định tại Điều 656 Bộ luật Dân sự. Việc xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn TT trong bản di chúc cũng không hợp pháp di chúc không được lập, kí xác nhận tại Ủy ban nhân dân thị trấn TT theo quy định tại Điều 658 Bộ luật Dân sự.

Vì vậy, di chúc đề ngày 28/4/2011 được cho là của cụ Qu lập là không hợp pháp và cụ Qu không có quyền để định đoạt toàn bộ khối tài sản chung của cụ Đặc và cụ Quýt. Do đó, việc Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B là không hợp pháp, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Bà L đề nghị Tòa án: Tuyên bố bản di chúc của cụ Qu không hợp pháp, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc đã cấp cho bà B và yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Qu và cụ Đ là thửa đất số 384, Tờ bản đồ số 39, diện tích 197,2m^2 (theo bản đồ địa chính hệ tọa độ VN 2000 xác lập năm 2011) tại Thôn BC, thị trấn TT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Đỗ Thị B và người đại diện theo ủy quyền anh Trần Nhất L thừa nhận về quan hệ huyết thống trong gia đình cụ Lê Thị Qu và cụ Đỗ Văn Đ như nguyên đơn trình bày là đúng. Cụ Lê Thị Qu khi còn sống có quyền sử dụng thửa đất số 178 Tờ bản đồ 10, diện tích 207m^2 tại khu 3, thị trấn TT, huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phú nay là tại Thôn BC, thị trấn TT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc và đã được Ủy ban nhân dân huyện VL cũ nay là huyện VT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/6/1992. Khi còn sống cụ Qu sống cùng bà B, bà B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cụ Qu cho đến khi qua đời. Thực hiện chính sách đền ơn, đáp nghĩa đối với gia đình có công với cách mạng, năm 1997 chính quyền xã TT đã xây dựng tặng cụ Qu 01 căn nhà tình nghĩa trên đất. Khi tiến hành xây tặng nhà tình nghĩa, ngày 10/6/1997 chính quyền xã TT đã lập "Biên bản về việc xác định Quyền sử dụng đất và chủ sử dụng nhà tình nghĩa" cụ Qu đã trình bày quan điểm giao cho bà B là người được hưởng thừa kế đối với toàn bộ thửa đất và ngôi nhà tình nghĩa nằm trên đất, chính quyền xã TT ghi nhận ý kiến này của cụ Qu vào Biên bản. Ngày 28/4/2011 cụ Lê Thị Qu đã lập di chúc có nội dung cho bà B thừa kế toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của cụ là quyền sử dụng thửa đất thửa đất số 178, tờ bản đồ số 10, diện tích 207m^2 nêu trên cùng với tài sản trên đất là 01 căn nhà tình nghĩa. Di chúc đã được ông Lê Văn D là trưởng thôn, bà Nguyễn Thị Th là phó thôn và Đỗ Văn T làm chứng; được Chủ tịch UBND thị trấn TT chứng thực theo quy định của pháp luật. Sau khi cụ Qu chết, bà B đã tiến hành thực hiện thủ tục đăng ký chuyển quyền sử dụng đất và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số BV 570348, vào sổ cấp GCN số: CS01402 vào ngày 31/12/2014 cho bà B. Tháng 9/2015 do nhà cũ xuống cấp nên bà B đã cho phá dỡ nhà cũ để tiến hành xây nhà mới và tiếp tục thực hiện việc thờ cúng liệt sỹ và tổ tiên, bố mẹ.

Về nội dung khởi kiện của chị gái bà là bà Đỗ Thị L, bà B không đồng ý vì di chúc của cụ Qu xác lập phù hợp với quy định của pháp luật. Ngoài di chúc, còn có "Biên bản về việc xác định Quyền sử dụng đất và chủ sử dụng nhà tình nghĩa" do UBND xã TT lập ngày 10/6/1997, đơn xin chuyển quyền sử dụng đất của cụ Lê Thị Qu ngày 22/3/2006 và biên bản hòa giải gia đình ngày 21/4/2006 đều thể hiện rõ ý chí của cụ Qu muốn để lại tài sản của mình cho bà. Mặt khác, việc cấp Giấy chứng nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận bà Đỗ Thị B có quyền sử dụng thửa đất nêu trên đã được thực hiện theo đúng quy định của Luật Đất đai.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Đỗ Thị G (tên gọi khác Đỗ Thị H): Bà thừa nhận về quan hệ huyết thống trong gia đình cụ Lê Thị Qu và cụ Đỗ Văn Đ như nguyên đơn trình bày là đúng. Cụ Đ chết năm 1978 không để lại di chúc mà phân chia cho các con cháu trước đó, mọi người trong gia đình đều nhất trí với nguyện vọng của cụ Đ. Sau khi chia xong thì bố mẹ bà vẫn còn thửa đất hiện đang tranh chấp là thửa số thửa 384, Tờ bản đồ số 39 diện tích 197,2 m^2 tại: Thôn BC, thị trấn TT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 2011 cụ Qu chết có làm di chúc để lại toàn bộ thửa đất có diện tích 197,2m^2 và tài sản gắn liền với đất nêu trên cho bà B. Bà nhất trí với nguyện vọng của cụ Qu để lại nhà đất cho em gái, khi lập di chúc mẹ bà hoàn toàn minh mẫn, bản di chúc mà cụ Qu để lại là hợp pháp nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và không nhất trí chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất của nguyên đơn.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Anh Đỗ Văn H, Đỗ Văn Th, Đỗ Đình Đ, chị Đỗ Thị L, Đỗ Thị Kh và người đại diện theo ủy quyền của anh Đ, chị Kh là bà Vũ Thị H; người đại diện theo ủy quyền của anh Th, chị L là bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bản di chúc viết tay được cho là của cụ Qu lập ngày 28/4/2011 là giả mạo vì họ đều không biết đến sự tồn tại của di chúc này và lý do cho rằng di chúc giả mạo như nguyên đơn trình bày. Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà L, đề nghị Tòa án tuyên bố bản di chúc viết tay đề ngày 28/4/2011 của cụ Lê Thị Qu không hợp pháp, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 570348, số vào sổ cấp GCN số CH 01402 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31/12/2014 cho bà Đỗ Thị B và chia di sản thừa kế của cụ Qu, cụ Đ theo quy định của pháp luật.

- Đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc trình bày: Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đỗ Thị B hiện đang lưu trữ ở Văn phòng đăng ký đất - Chi nhánh VT và căn cứ khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 37 và Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng. Từ những căn cứ trên cho thấy việc thực hiện hồ sơ thừa kế của bà Đỗ Thị B ở thị trấn TT là đảm bảo theo đúng quy định, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền suer dụng đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2016/DSST ngày 23/9/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

- Áp dụng các Điều 652, 653, 656, 658, 674 của Bộ luật Dân sự; Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L tuyên bố di chúc của cụ Lê Thị Qu lập ngày 28/4/2011 không hợp pháp đối với phần di sản của cụ Đỗ Văn Đ; di chúc đối với phần di sản của cụ Lê Thị Qu có hiệu lực.

- Hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 570348, số vào sổ cấp giấy CH 01402 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh cấp ngày 31/12/2014 mang tên bà Đỗ Thị B.

- Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của cụ Đặc, cụ Qu là Thửa đất số 178, Tờ bản đồ số 10, diện tích 207m^2 (nay là thửa đất số 384, Tờ bản đồ số 39, diện tích 197,2m^2) tại Thôn BC, thị trấn TT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 07/10/2016, nguyên đơn - bà Đỗ Thị L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông: Đỗ Văn Th, Đỗ Đình Đ, Đỗ Văn H cùng có đơn kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm: Tuyên bố di chúc của cụ Qu không hợp pháp, thực hiện chia thừa kế theo pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về các vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án.

- Người đại diện của bà Lđề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L và có quan điểm: Xác định di chúc của cụ Qu vô hiệu cả về hình thức và nội dung;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B có quan điểm: Khi lập di chúc, cụ Qu còn minh mẫn, ý chí của cụ Qu về việc định đoạt tài sản thể hiện xuyên suốt từ khi chính quyền địa phương giao nhà tình nghĩa cho cụ vào năm 1997 cho đến khi cụ lập di chúc. Bởi vậy, di chúc của cụ có hiệu lực một phần đối với phần tài sản của cụ đã định đoạt cho bà B như Bản án sơ thẩm xác định là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bổ sung: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì phần di sản của cụ Đ là quyền sử dụng đất được chuyển giao cho bà B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Về tố tụng: Nhưng người tiến hành và tham gia tố tụng đã chấp hành tốt các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về nội dung: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội đã phân tích và xác định: Khi còn sống cụ Qu đã luôn có nguyện vọng chuyển giao tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình cho bà Bình, phù hợp với nội dung bản di chúc mà cụ đã để lại. Tuy nhiên, nội dung di chúc của cụ Qulại định đoạt cả phần tài sản thuộc sở hữu của cụ Đặc là không phù hợp pháp luật. Bởi vậy, di chúc của cụ Qu chỉ có hiệu lực một phần đối với tài sản của cụ như Bản án sơ thẩm đã xác định là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của các đương sự trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn - bà Đỗ Thị L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông: Đỗ Văn Th, Đỗ Đình Đ, Đỗ Văn H làm trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bà L, ông Th và ông Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm; ông H không nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ quy định tại Điều khoản 2 Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định ông H đã từ bỏ quyền kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của bà Lan, ông Thanh và ông Đề:

[2.1] Kháng cáo về việc di chúc của cụ Qu không hợp pháp:

Về hình thức của bản di chúc do cụ Lê Thị Qu lập ngày 28/4/2011 và điều kiện thể chất, tinh thần của người lập di chúc: Theo quy định tại Điều 649 và 650 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 627 và 628 Bộ luật Dân sự năm 2015, đây là di chúc bằng văn bản, do người khác viết hộ, cụ Qu có điểm chỉ, có người làm chứng và có chứng thực của UBND có thẩm quyền. Xét thấy, mặc dù cụ Qu không điểm chỉ trước mặt những người làm chứng xong theo người làm chứng là ông Đỗ Văn Tĩnh thì đích thân cụ Qu mang bản di chúc sang nhờ ông ký xác nhận, lúc đó cụ Qu hoàn toàn minh mẫn và khỏe mạnh, nguyện vọng của cụ Qu nói với ông phù hợp với nội dung bản di chúc nên ông đã ký xác nhận; ông Lê Văn D xác nhận mình là người ký làm chứng vào bản di chúc được bà B mang sang, lý do ông ký vì trước đó cụ Qu đã gặp và nói nguyện vọng trao nhà, đất cho bà B và nhờ ông ký xác nhận khi cụ lập di chúc; bà Đỗ Thị G (H) là con gái cụ Qu cũng thừa nhận thời điểm lập di chúc cụ Qu hoàn toàn minh mẫn, khỏe mạnh. Về ý thức chủ quan của người lập di chúc: Do bà B không lập gia đình, trực tiếp ăn ở cùng và chăm sóc cụ Qu trong khi những người con khác đều đã có nơi ăn chốn ở ổn định nên cụ Qu đã có ý nguyện trao tài sản nhà, đất cho bà Bình, thể hiện tại nhiều thời điểm như: Tại biên bản về việc xác định quyền sử dụng đất và chủ sử dụng nhà tình nghĩa do UBND xã TT lập ngày 10/6/1997 cụ Qu đã tỏ quan điểm giao cho bà B được hưởng thừa kế toàn bộ thửa đất và ngôi nhà tình nghĩa trên đất được ghi nhận vào Biên bản; năm 2006, chính cụ Qu đã có đơn đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền chuyển quyền sử dụng đất mang tên cụ cho bà Bình, do bà Lphản đối, tranh chấp nên ngày 21/4/2006 khi chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cụ Qu vẫn tỏ rõ nguyện vọng cho bà Bsử dụng toàn bộ nhà, đất và được ghi nhận trong Biên bản hòa giải. Với những sự kiện nêu trên đã thể hiện ý chí của cụ Qu về việc cho bà B hưởng tài sản thuộc sở hữu của mình là nhất quán, xuyên suốt trong một khoảng thời gian dài từ năm 1997 đến khi bản di chúc được cụ Qu thiết lập ngày 28/4/2011, phù hợp với quy định tại Điều 647, 648 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bởi vậy, Bản án sơ thẩm nhận định: Mặc dù hình thức của di chúc chưa tuân thủ đúng quy định tại Điều 656, 658 Bộ luật Dân sự năm 2005 xong diễn biến của việc lập di chúc và nội dung của di chúc phản ánh đúng ý chí và nguyện vọng thực của cụ Qu trong việc chuyển giao tài sản thuộc sở hữu của mình cho bà Bình; khi lập di chúc cụ Qu không bị lừa dối, ép buộc nên ý chí,

nguyện vọng của cụ Qucần được tôn trọng là có căn cứ, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của cụ Qu và gia đình.

[2.2] Xét về nội dung của di chúc:

Trong di chúc, cụ Quđã định đoạt toàn bộ tài sản nhà, đất cho bà Bình. Tuy nhiên, đối với quyền sử dụng diện tích đất 197,2m^2 là của cả cụ Đ và cụ Qu, nên cụ Qu chỉ có quyền định đoạt với ½ diện tích đất và ngôi nhà tình nghĩa mà địa phương xây tặng. Bởi vậy, Bản án sơ thẩm chỉ công nhận phần di chúc đối với tài sản (nhà cấp IV và quyền sử dụng 98,6m^2 đất) của cụ Qu có hiệu lực và xác định phần di chúc định đoạt di sản của cụ Đ không có hiệu lực là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 667 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Xét kháng cáo về việc thực hiện chia thừa kế theo pháp luật:

Tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 23/9/2016, Bộ luật Dân sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật. Bởi vậy, Bản án sơ thẩm xác định di sản thừa kế của cụ Qu (nhà cấp IV và quyền sử dụng 98,6m^2 đất) thuộc quyền sở hữu của bà Bình; không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia thừa kế theo pháp luật mà xác định di sản thừa kế của cụ Đặc là quyền sử dụng 98,6m^2 đất thuộc sở hữu chung của các đồng thừa kế. Do các đồng thừa kế không thỏa thuận được về việc phân chia di sản nên Bản án sơ thẩm đã nhận định tạm giao cho bà B quản lý là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2005 và Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10 tháng 8 năm 2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, Bộ luật Dân sự năm 2015 hiện đã có hiệu lực pháp luật. Các đương sự trong vụ án có thể căn cứ các quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688; Điều 623 của Bộ luật này để xác định về thời hiệu, quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cân nhắc về quyền yêu cầu chia thừa kế tại Tòa án có thẩm quyền.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm còn nhận thấy:

Phần quyết định của Bản án sơ thẩm nêu: "Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L tuyên bố di chúc của cụ Lê Thị Qu lập ngày 28/4/2011 không hợp pháp đối với phần di sản của cụ Đỗ Văn Đ; di chúc đối với phần di sản của cụ Lê Thị Qu có hiệu lực" mà không nêu di sản đó gồm những gì là chưa cụ thể chưa đầy đủ; không tạm giao cho bà B quản lý phần di sản là quyền sử dụng đất của cụ Đặc là chưa phù hợp với phần nhận định. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ bổ sung để đương sự có căn cứ trong việc quản lý, sử dụng đất và thuận lợi trong giai đoạn thi hành án.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của các đương sự có kháng cáo với Bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn - bà Đỗ Thị L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các anh: Đỗ Văn Th, Đỗ Đình Đ. Giữ nguyên và bổ sung quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2016/DSST ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc như sau:

- Áp dụng các Điều 652, 653, 656, 658, 674 của Bộ luật Dân sự (năm 2005); Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L tuyên bố di chúc của cụ Lê Thị Qu lập ngày 28/4/2011 không hợp pháp đối với phần di sản của cụ Đỗ Văn Đặc là quyền sử dụng 98,6m^2 đất tại Thửa đất hiện nay mang số 384, Tờ bản đồ số 39, tại Thôn BC, thị trấn TT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc. Tạm giao cho bà Đỗ Thị B là người đang trực tiếp sống trên đất quản lý, sử dụng.

- Xác định Di chúc của cụ Lê Thị Qu đối với phần di sản là nhà cấp IV và quyền sử dụng 98,6m^2 đất tại thửa đất hiện nay mang số 384, Tờ bản đồ số 39, tại Thôn BC, thị trấn TT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc cho bà Đỗ Thị B có hiệu lực.

- Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Đỗ Thị L đối với di sản thừa kế của cụ Đ, cụ Qu là thửa đất số 178, Tờ bản đồ số 10, diện tích 207m^2 (nay là thửa đất số 384, Tờ bản đồ số 39, diện tích 197,2m^2) tại Thôn BC, thị trấn TT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Đỗ Thị L, anh Đỗ Văn Th và Đỗ Đình Đ mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Đối trừ với số tiền 200.000đ các đương sự đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại các Biên lai thu số: 0001065, 0001066, 0001067 cùng ngày 17/11/2016 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc. Các đương sự kháng cáo mỗi người còn phải nộp 100.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *Cục THADSTP tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *Lưu HSVA, HCTP.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Hải Thanh